TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HS-ST
Ngày 29 – 3 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Linh, ông Trần Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hồ Quang Phúc - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1994, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn 4, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang N, sinh năm 1967 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1967; Vợ là Huỳnh Thanh H, sinh năm 1996. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20 tháng 12 năm 2023 đến ngày 26 tháng 12 năm 2023. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 2000 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 2A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Hứa Văn K, sinh năm 2002 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

+ Ông Trần Ngọc T (M), sinh năm 1997 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Dương Văn N, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

+ Ông Lê Hồng N, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 5, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 11 năm 2023, Trần Ngọc T đã đưa tiền cho Nguyễn Mạnh C và đã cho 02 người vay tiền; riêng cá nhân Cường cho 02 người vay tiền, cụ thể:

Người thứ nhất: Vào tháng 10/2021, Trần Ngọc T đưa cho Nguyễn Mạnh C số tiền 3.500.000 đồng để C cho người khác vay. Sau đó, C bỏ thêm số tiền 6.500.000 đồng, tổng cộng được 10.000.000 đồng để cho Nguyễn Văn H, sinh năm 2000, trú tại: Thôn 2A, xã E, huyện E, vay số tiền 5.000.000 đồng, với lãi suất cho vay là 6.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương ứng 216%/01 năm). Từ tháng 10/2021 đến hết tháng 01/2022 (120 ngày) là 3.600.000 đồng. Tiền lãi Nhà nước cho phép là (5.000.000 đồng x 20%): 365 ngày x 120 ngày = 328.767 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 3.600.000 đồng – 328.767 đồng = 3.271.233 đồng *(Trong đó Cường thu lợi bất chính 2.126.301 đồng, Thế thu lợi bất chính 1.144.932 đồng)*.

Sau đó, Nguyễn Văn H vay thêm của Nguyễn Mạnh C số tiền 5.000.000 đồng, tổng số tiền gốc H vay của C là 10.000.000 đồng, với lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương ứng 182,5%/01 năm). Sau khi vay thì H đã trả lãi cho C từ tháng 02/2022 đến tháng 11/2022 (306 ngày) là 15.300.000 đồng. Tiền lãi Nhà nước cho phép là (10.000.000 đồng x 20%): 365 ngày x 306 ngày = 1.676.712 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 15.300.000 đồng – 1.676.712 đồng đồng = 13.623.288 đồng *(Trong đó Cường thu lợi bất chính 8.855.137 đồng, Thế thu lợi bất chính 4.768.151 đồng)*.

Tổng số tiền lãi mà H phải trả theo thoả thuận 02 lần vay là 3.600.000 đồng + 15.300.000 đồng = 18.900.000 đồng, nhưng khi tính tiền thì C có bớt cho H nên thực tế số tiền lãi C lấy của H là 16.000.000 đồng. Trong số tiền này thì C đã đưa cho T số tiền 5.600.000 đồng, C giữ lại số tiền 10.400.000 đồng. Đến ngày 15/12/2023 thì bố mẹ H đã trả C là 10.000.000 đồng tiền nợ gốc. Số tiền này C đã trả cho T 3.500.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Mạnh C thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Văn H vay tiền là 10.981.438 đồng; số tiền Trần Ngọc T thu lợi bất chính là 5.913.083 đồng (thực tế C đã đưa cho T số tiền 5.600.000 đồng).

Người thứ hai: Vào tháng 01/2021, Nguyễn Mạnh C sử dụng tiền cá nhân của C cho Lê Hồng N, sinh năm 1996, trú tại: Thôn 2A, xã E, vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương ứng 146%/01 năm). Sau khi vay được 03 tháng (90 ngày), thì N trả tiền lãi cho C là 3.600.000 đồng. Tiền lãi Nhà nước cho phép là (10.000.000 đồng x 20%): 365 ngày x 90 ngày = 493.150 đồng. Số tiền C thu lợi bất chính là 3.600.000 đồng – 493.150 đồng = 3.106.850 đồng.

Đến tháng 4/2021, N vay thêm C số tiền 5.000.000 đồng, tổng số tiền gốc N vay của C là 15.000.000 đồng nên N viết giấy vay C tổng số tiền là 15.000.000 đồng với lãi suất tiền vay là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương ứng 146%/01 năm). Đến tháng 12/2021 (240 ngày) thì N trả hết cả gốc và lãi cho C, trong đó tiền lãi hàng tháng N đóng cho C là 14.400.000 đồng. Tiền lãi Nhà nước cho phép là (15.000.000 đồng x 20%): 365 ngày x 240 ngày = 1.972.602 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 14.400.000 đồng – 1.972.602 = 12.427.398 đồng.

Đến tháng 3/2022 thì N tiếp tục vay C số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 146%/01 năm). Đến tháng 12/2022 (270 ngày) thì N trả hết cả gốc và lãi cho C, trong đó lãi hàng tháng N đã trả là 10.800.000 đồng. Tiền lãi Nhà nước cho phép là (10.000.000 đồng x 20%): 365 ngày x 270 ngày = 1.479.452 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 10.800.000 đồng – 1.479.452 = 9.320.548 đồng.

Tổng số tiền lãi mà N phải trả theo thoả thuận là 10.800.000 đồng nhưng khi tính tiền thì C có bớt cho N nên thực tế số tiền lãi C lấy của N là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà N phải trả theo thoả thuận 03 lần vay là 28.800.000 đồng nhưng khi tính tiền thì C có bớt cho N nên thực tế số tiền lãi C lấy của N là 25.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Mạnh C thu lợi bất chính từ việc cho Lê Hồng N vay tiền là 24.854.796 đồng.

Người thứ ba: Vào tháng 5/2022, T đưa số tiền 5.000.000 đồng cho Nguyễn Mạnh C để C cho người khác vay. Sau đó, C bỏ thêm số tiền 15.000.000 đồng, để cho Dương Văn N, sinh năm 1997, trú tại: Thôn 5, xã E, huyện E, vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất cho vay là 4000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương ứng 146%/01 năm). Tính từ tháng 5/2022 đến tháng 3/2023 (300 ngày) thì số tiền lãi Nam phải đóng cho C là 24.000.000 đồng. Tiền lãi Nhà nước cho phép là (20.000.000 đồng x 20%): 365 ngày x 300 ngày = 3.287.671 đồng. Số tiền thu lợi

bất chính là 24.000.000 đồng – 3.287.671 = 20.712.329 đồng *(trong đó C thu lợi bất chính 15.534.246 đồng, T thu lợi bất chính 5.178.083 đồng)*.

Tổng số tiền lãi mà N phải trả theo thoả thuận là 24.000.000 đồng nhưng khi tính tiền thì C có bớt cho N nên thực tế số tiền lãi C lấy của N là 20.000.000 đồng, C đã đưa cho T số tiền lãi là 5.000.000 đồng, C giữ lại 15.000.000 đồng tiền lãi. Hiện số tiền gốc 20.000.000 đồng Dương Văn N vẫn chưa trả cho C. C có thoả thuận với N là Tết 2024 N sẽ trả tiền gốc cho C và không phải trả tiền lãi nữa.

Người thứ tư: Từ ngày 08/8/2022 đến ngày 10/11/2023, Nguyễn Mạnh C đã cho Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1992, trú tại: Thôn 4, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất cho vay là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương ứng 146%/01 năm). Số tiền lãi thu được theo như thoả thuận (từ ngày 08/8/2022 đến 10/11/2023 là 455 ngày) 18.200.000 đồng. Tiền lãi Nhà nước cho phép là (10.000.000 đồng x 20%): 365 ngày x 455 ngày = 2.493.150 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 18.200.000 – 2.493.150 đồng = 15.706.850 đồng. Trong quá trình vay Nguyễn Tuấn A đã chuyển cho C 14.400.000 đồng tiền lãi từ tháng 8/2022 đến tháng 8/2023. Ngày 03/11/2023, C thoả thuận với Tuấn A từ tháng 9/2023 đến tháng 11/2023, C sẽ bớt tiền lãi nên Tuấn A chỉ phải trả 2.000.000 đồng tiền lãi, cộng cả tiền gốc thì Tuấn A phải trả cho C số tiền 12.000.000 đồng và C không lấy tiền lãi nữa. Số tiền nợ gốc và tiền lãi Tuấn A chưa trả cho C.

Tổng cộng, Nguyễn Mạnh C đã cho 04 người vay tiền, với tổng số tiền gốc cho vay là 56.500.000 đồng; tổng số tiền thu lợi bất chính là 67.077.330 đồng, tương ứng với mức lãi suất cho vay từ 146%/năm đến 216%/năm. Trần Ngọc T đã đưa tiền cho Nguyễn Mạnh C để cho 02 người vay với tổng số tiền gốc cho vay là 8.500.000 đồng; tổng số tiền thu lợi bất chính là 11.091.166 đồng, tương ứng với mức lãi suất cho vay từ 146%/năm đến 216%/năm.

Ngoài ra, vào ngày 27/6/2022, Nguyễn Mạnh C cho Hứa Văn K, sinh năm 2002, trú tại Thôn 3, xã E, huyện E, vay số tiền 5.000.000 đồng, giữa C và K thỏa thuận tiền lãi suất 2000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Khoảng 02 tháng sau, K đã trả lại tiền nợ gốc 5.000.000 đồng cho C và C không lấy tiền lãi.

Bản cáo trạng số 24/CT - VKS - HS ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo về tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự''* theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Kết luận điều tra và nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự* và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều

36; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt Nguyễn Mạnh từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 20 tháng 12 năm 2013 đến ngày 26 tháng 12 năm 2023. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

- Phạt bị cáo từ 40.000.000đ đến 50.000.000đ để sung công quỹ Nhà nước.

+ Áp dụng các Điều 46, 47 và Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, kiểu máy V2026 mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy các sim điện thoại số 0975.277.157 và số 0333.304.305 mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu (Truy thu) của bị cáo Nguyễn Mạnh C số tiền 39.214.517 đồng để sung công quỹ Nhà nước [Đây là số tiền gốc và tiền lãi theo quy định của Nhà nước (20%/năm) mà bị cáo đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Trong đó số tiền gốc là 31.500.000 đồng, số tiền lãi là 7.714.517 đồng)].

- Tịch thu (Truy thu) của Trần Ngọc T số tiền 4.436.985 đồng để sung công quỹ Nhà nước [Đây là số tiền gốc và lãi theo quy định của Nhà nước (20%/năm) mà Thế đã đưa cho C và đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (trong đó số tiền gốc là 3.500.000 đồng và tiền tiền lãi là 936.985 đồng)].

- Tịch thu (Truy thu) của Nguyễn Mạnh C số tiền 54.592.333 đồng để trả lại cho Nguyễn Văn H: 9.096.440 đồng; trả lại cho Lê Hồng N: 21.054.796 đồng; trả lại cho Dương Văn N: 12.534.247 đồng; trả lại cho Nguyễn Tuấn A: 11.906.850 đồng.

- Tịch thu (Truy thu) của Trần Ngọc T số tiền 9.076.164 đồng để trả lại cho Nguyễn Văn H: 4.898.081 đồng; trả lại cho Dương Văn N: 4.178.083 đồng.

- Tịch thu (Truy thu) của Nguyễn Tuấn A, số tiền 10.000.000 đồng; truy thu của Dương Văn N số tiền 20.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước [Đây là số tiền nợ gốc mà Nguyễn Tuấn A và Dương Văn N đã vay nhưng chưa trả cho Nguyễn Mạnh C và Trần Ngọc T (trong đó của Nguyễn Mạnh C là 25.000.000 đồng; của Trần Ngọc T là 5.000.000 đồng)].

- Đối với chiếc điện thoại mà T sử dụng để liên lạc với bị cáo trong quá trình cho vay, thì Cơ quan CSĐT không thu giữ được, nên không xem xét.

- Đối với quyển vở học sinh, loại vở ô ly thu giữ của bị cáo là tài liệu thể hiện số tiền mà bị cáo cho Hứa Văn K vay, do đó được lưu trong hồ sơ vụ án.

+ Đối với Trần Ngọc T có hành vi đưa tiền cho bị cáo C để cho Dương Văn N và Nguyễn Văn H vay, nhưng thu lợi bất chính số tiền 11.091.166đ là chưa đủ yếu tố

cấu thành tội phạm nên đã bị xử lý hành chính.

+ Việc Nguyễn Mạnh C cho Hứa Văn K vay với lãi suất 2000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày là đúng quy định, do đó không có căn cứ xử lý.

Tại phiên toà, bị cáo không tranh luận gì mà xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Thông qua các giao dịch dân sự, trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 11 năm 2023, T đưa số tiền 8.500.000 đồng cho Nguyễn Mạnh C để C cho 02 người vay tiền; Nguyễn Mạnh C bỏ ra số tiền cho vay là 56.500.000 đồng cho 04 người vay tiền, lãi suất từ 146%/năm đến 216%/năm. Nguyễn Mạnh C đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 67.077.330 đồng, Trần Ngọc T thu lợi bất chính số tiền 11.091.166 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Mạnh C đã phạm tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*. Tội phạm, hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm".

[3] Xét thấy hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến lĩnh vực hoạt động ngân hàng, tài chính một cách trái pháp luật. Ngoài ra còn xâm phạm đến trật tự trị an trong xã hội. Mặc dù bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được rằng hoạt động ngân hàng, tài chính và tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái phép đều bị pháp luật trừng trị, nhưng do ý thức coi thường pháp luật và với mục đích tư lợi cá nhân nên trong khoảng thời gian

từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 11 năm 2023, thông qua các giao dịch dân sự bị cáo cho 4 người với lãi suất gấp 5 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong bộ luật dân sự thu lợi bất chính số tiền 67.077.330đ. Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì vậy đòi hỏi pháp luật phải có biện pháp trừng trị thích đáng đối với bị cáo, có như vậy mới đủ tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng để giảm cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[5] Tuy nhiên xét thấy tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là ít nghiêm trọng. Bị cáo là người có nhân thân tốt, thể hiện bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát cho bị cáo tự cải tạo ngoài đời sống xã hội dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do hình phạt chính được áp dụng không phải hình phạt tiền và xét thấy tình hình loại tội phạm về cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự ngày một diễn biến theo chiều hướng gia tăng, phức tạp, gây nên nhiều dư luận xấu. Để răn đe, phòng ngừa và giảm thiểu loại tội phạm trên trong giai đoạn hiện nay, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thẩm phán, Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt bị cáo một khoản tiền để sung công quỹ Nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu nhãn hiệu ViVo, kiểu máy V2026 là công cụ mà Nguyễn Mạnh C đã sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với sim điện thoại số 0975.277.157 và sim số 0333.304.305 mà Nguyễn Mạnh C đã sử dụng vào việc phạm tội và xét thấy không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 vở học sinh, loại vở ô ly, thể hiện Nguyễn Mạnh C cho Hứa Văn K vay tiền là tài liệu liên quan đến vụ án nên cần lưu kèm theo hồ sơ.

Đối với chiếc điện thoại di động mà Trần Ngọc T sử dụng để liên lạc với Nguyễn Mạnh C, quá trình sử dụng T đã làm mất nên không thu giữ được.

Đối với số tiền 39.214.517 đồng của bị cáo Nguyễn Mạnh C, là số tiền gốc và tiền lãi theo quy định của Nhà nước (20%/năm), mà bị cáo đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (trong đó số tiền gốc là 31.500.000 đồng, số tiền lãi là 7.714.517 đồng). Xét thấy đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và có được do phạm tội mà có, do đó tịch thu (Truy thu) sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 4.436.985 đồng của Trần Ngọc T, là số tiền gốc và tiền lãi theo quy định của Nhà nước (20%/năm), mà Thế đã đưa cho C và đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (trong đó số tiền gốc là 3.500.000 đồng và tiền tiền lãi là 936.985 đồng). Xét thấy đây là số tiền T đưa cho C để C sử dụng vào việc phạm tội và số tiền có được do C phạm tội mà có, do đó tịch thu (Truy thu) sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 54.592.333 đồng của Nguyễn Mạnh C, là số tiền thu lợi bất chính mà thực tế C đã nhận. Trong đó C nhận của Nguyễn Văn H số tiền 9.096.440 đồng; nhận của Lê Hồng N số tiền 21.054.796 đồng; nhận của Dương Văn N số tiền 12.534.247 đồng; nhận của Nguyễn Tuấn A số tiền 11.906.850 đồng, vì vậy truy thu để trả lại cho Nguyễn Văn H, Lê Hồng N, Dương Văn N và Nguyễn Tuấn A.

Đối với số tiền 9.076.164 đồng của Trần Ngọc T, là số tiền thu lợi bất chính mà thực tế Trần Ngọc T đã nhận. Trong đó T nhận của Nguyễn Văn H số tiền 4.898.081 đồng; nhận của Dương Văn N số tiền 4.178.083 đồng, cho nên cần truy thu để trả lại cho Nguyễn Văn H và Dương Văn N.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng, là số tiền nợ gốc mà những người đã vay chưa trả cho Nguyễn Mạnh C và Trần Ngọc T, gồm: Nguyễn Tuấn A, số tiền 10.000.000 đồng; Dương Văn N, số tiền 20.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc của Nguyễn Mạnh C là 25.000.000 đồng; số tiền gốc của Trần Ngọc T là 5.000.000 đồng). Xét thấy đây là số tiền C và T sử dụng vào việc phạm tội nên truy thu sung công quỹ Nhà nước.

[9] Đối với Trần Ngọc T có hành vi góp 8.500.000đ để bị cáo C cho vay nhưng thu lợi bất chính số tiền 11.091.166đ, nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, do đó T bị xử phạt hành chính là phù hợp.

[10] Về án phí: Do bị cáo bị Tòa án kết án về tội: *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* nên bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hành sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 32,

35 và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự. Áp dụng khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thẩm phán, Tòa án nhân dân Tối cao.

+ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh C phạm tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

+ Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh C 18 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 20 tháng 12 năm 2023 đến ngày 26 tháng 12 năm 2023. Bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành Bản án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục bị cáo

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo Nguyễn Mạnh C.

+ Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 50.000.000đ để sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng các Điều 46, 47 và Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Về xử lý vật chứng:

Tịch thu (Truy thu) của bị cáo Nguyễn Mạnh C số tiền 39.214.517 đồng để sung công quỹ Nhà nước [Đây là số tiền gốc và tiền lãi theo quy định của Nhà nước (20%/năm) mà bị cáo đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Trong đó số tiền gốc là 31.500.000 đồng, số tiền lãi là 7.714.517 đồng)].

Tịch thu (Truy thu) của Trần Ngọc T số tiền 4.436.985 đồng để sung công quỹ Nhà nước [Đây là số tiền gốc và lãi theo quy định của Nhà nước (20%/năm) mà T đã đưa cho C và đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (trong đó số tiền gốc là 3.500.000 đồng và tiền tiền lãi là 936.985 đồng)].

Tịch thu (Truy thu) của Nguyễn Mạnh C số tiền 54.592.333 đồng để trả lại cho Nguyễn Văn H: 9.096.440 đồng; trả lại cho Lê Hồng N: 21.054.796 đồng; trả lại cho Dương Văn N: 12.534.247 đồng; trả lại cho Nguyễn Tuấn A: 11.906.850 đồng.

Tịch thu (Truy thu) của Trần Ngọc T số tiền 9.076.164 đồng để trả lại cho Nguyễn Văn H: 4.898.081 đồng; trả lại cho Dương Văn N: 4.178.083 đồng.

Tịch thu (Truy thu) của Nguyễn Tuấn A, số tiền 10.000.000 đồng; truy thu của Dương Văn N, số tiền 20.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước [Đây là số tiền nợ gốc mà Nguyễn Tuấn A và Dương Văn N đã vay nhưng chưa trả cho Nguyễn

Mạnh C và Trần Ngọc T (trong đó của Nguyễn Mạnh C là 25.000.000 đồng; của Trần Ngọc T là 5.000.000 đồng)].

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu VIVO, kiểu máy V2026.

Tịch thu tiêu hủy sim điện thoại số 0975277157 và số 0333304305.

(Vật chứng có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận ngày 14 tháng 3 năm 2014 được lưu trong hồ sơ vụ án).

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện E;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- ...
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện E;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

ĐỖ VĂN DŨNG